

德育學校財團法人德育護理健康學院國際學生申請分期繳交學雜費實施辦法

民國115年3月31日114學年第2學期第3次行政會議審議通過
民國115年5月05日114學年第2學期第4次行政會議審議通過

Quy định thực hiện việc sinh viên quốc tế của Học viện Điều dưỡng và Sức khỏe Đức Dục đăng ký nộp học phí và các khoản phí theo hình thức trả góp

*Thông qua tại cuộc họp hành chính lần thứ 3, học kỳ 2, năm học 114 vào ngày 31 tháng 3 năm 115
(theo Dân quốc)*

Đã được thông qua tại Cuộc họp Hành chính lần thứ 4, Học kỳ 2, Năm học 114, diễn ra vào ngày 05 tháng 05 năm 115 (Dân Quốc) tức năm 2026.

Peraturan Pelaksanaan Pembayaran Cicilan Uang Kuliah bagi Mahasiswa Internasional - Deh Yu College of Nursing and Health

*Disetujui dalam Rapat Administrasi ke-3 Semester 2 Tahun Akademik 114 pada tanggal 31 Maret
Tahun 115 (Masehi 2026)*

*Telah disetujui dalam Rapat Administrasi ke-4, Semester 2, Tahun Ajaran 114, pada tanggal 05 Mei tahun ke-115 Minguo
(tahun 2026).*

ระเบียบปฏิบัติว่าด้วยการผ่อนชำระค่าธรรมเนียมการศึกษาสำหรับนักศึกษาต่างชาติ วิทยาลัยพยาบาลและสุขภาพเตออวี (Deh Yu College of Nursing and Health)

*ผ่านการพิจารณาเห็นชอบในการประชุมบริหารครั้งที่ 3 ภาคการศึกษาที่ 2 ปีการศึกษา 114 เมื่อวันที่ 31
มีนาคม พ.ศ. 2569 (ปีพินักษัที่ 115)*

*ผ่านการพิจารณาอนุมัติในการประชุมบริหาร ครั้งที่ 4 ภาคเรียนที่ 2 ปีการศึกษา 114 เมื่อวันที่ 5 พฤษภาคม พ.ศ. 2569
(ปีพินักษัที่ 115)*

第一條 宗旨

為協助本校境外學生減輕因家庭突遭變故或經濟困難所帶來之經濟負擔，使其於就學期間能安心就學並順利完成學業，特訂定本辦法。

Điều 1: Mục đích

Quy định này được thiết lập nhằm hỗ trợ sinh viên nước ngoài đang theo học tại trường giảm bớt gánh nặng kinh tế do gia đình gặp biến cố đột xuất hoặc khó khăn về tài chính, giúp sinh viên yên tâm học tập và hoàn thành chương trình học thuận lợi.

Pasal 1: Tujuan

Peraturan ini ditetapkan untuk membantu mahasiswa internasional di universitas ini dalam

meringankan beban ekonomi akibat perubahan mendadak dalam keluarga atau kesulitan ekonomi, sehingga mereka dapat fokus belajar dengan tenang dan menyelesaikan studi dengan lancar.

ข้อที่ 1: วัตถุประสงค์

เพื่อช่วยเหลือนักศึกษาต่างชาติของวิทยาลัยในการลดภาระทางเศรษฐกิจอันเนื่องมาจากเหตุการณ์ไม่คาดฝันในครอบครัวหรือความยากลำบากทางเศรษฐกิจ เพื่อให้นักศึกษาสามารถศึกษาต่อได้อย่างสบายใจและสำเร็จการศึกษาตามหลักสูตร จึงได้กำหนดระเบียบนี้ขึ้น

第二條 適用對象

本辦法適用對象為本校具學籍之在學國際學生。有下列情形之一者，不得提出申請：

1. 入學第一學年之新生。國際專修部華語先修班學生，入學第一學期期間通過華測 A2 等級，第二學期升讀四技一年級者不在此限。
2. 應屆畢業年級最後一學期學生。
3. 前一學期未按時繳納分期款項者。
4. 前一學期未繳清學費者。
5. 延修生。

Điều 2: Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng là sinh viên quốc tế đang theo học và có học tích tại trường. Những trường hợp thuộc một trong các tình huống dưới đây sẽ không được nộp đơn xin áp dụng:

1. Tân sinh viên trong năm nhất. Đối với sinh viên Lớp dự bị tiếng Hoa thuộc Khoa chuyên tu Quốc tế, nếu trong học kỳ đầu tiên đạt chứng chỉ TOCFL cấp độ A2 và chuyển lên học năm nhất hệ Đại học 4 năm (4-year Technical University) vào học kỳ thứ hai, thì sẽ không bị hạn chế bởi quy định này."
2. Sinh viên khóa cuối đang học học kỳ cuối.
3. Sinh viên không đóng các khoản trả góp đúng hạn trong học kỳ trước đó.
4. Sinh viên chưa thanh toán hết học phí của học kỳ trước.
5. Sinh viên kéo dài thời gian học (vượt quá thời gian đào tạo chính thức).

Pasal 2: Target Subjek

Subjek yang berlaku untuk peraturan ini adalah mahasiswa internasional aktif yang terdaftar di universitas ini. Mahasiswa yang memenuhi salah satu kondisi berikut tidak

diperbolehkan mengajukan permohonan:

1. Mahasiswa baru tahun pertama. Bagi mahasiswa Kelas Matrikulasi Bahasa Mandarin dari Departemen Spesialis Internasional (International Foundation Program), jika berhasil lulus sertifikasi TOCFL level A2 selama semester pertama dan melanjutkan ke tahun pertama program sarjana 4 tahun (4-year Technical University) pada semester kedua, maka tidak termasuk dalam batasan ini.
2. Mahasiswa tingkat akhir di semester terakhir sebelum kelulusan.
3. Mahasiswa yang tidak membayar angsuran tepat waktu pada semester sebelumnya.
4. Mahasiswa yang belum melunasi uang kuliah semester sebelumnya.
5. Mahasiswa yang memperpanjang masa studi (Extended students).

ข้อที่ 2: กลุ่มเป้าหมาย

ระเบียบนี้ใช้บังคับกับนักศึกษาต่างชาติที่มีสถานภาพนักศึกษาของวิทยาลัย ทั้งนี้ ผู้ที่มีลักษณะดังต่อไปนี้ **ไม่มีสิทธิ์** ยื่นขอผ่อนชำระ:

1. นักศึกษาใหม่ที่จะ **❖** ขาเรียนในปี การศึกษาแรก. สำหรับนักศึกษาหลักสูตรเตรียมความพร้อมภาษาจีน (International Foundation Program) ของภาควิชาเชี่ยวชาญพิเศษนานาชาติ หากสอบผ่านวัดระดับความรู้ภาษาจีน (TOCFL) ระดับ A2 ภายในภาคเรียนแรก และเข้าเรียนต่อในชั้นปีที่ 1 หลักสูตรปริญญาตรีสายปฏิบัติการเทคโนโลยี (4-year Technical University) ในภาคเรียนที่สอง จะไม่รวมอยู่ในข้อจำกัดนี้
2. นักศึกษาชั้นปีสุดท้ายในภาคการศึกษาสุดท้ายก่อนสำเร็จการศึกษา.
3. นักศึกษาที่ไม่ชำระเงินผ่อนส่งตามกำหนดในภาคการศึกษาก่อนหน้า.
4. นักศึกษาที่ยังค้างชำระค่าธรรมเนียมการศึกษาของภาคการศึกษาก่อนหน้า.
5. นักศึกษาที่ขยายระยะเวลาเรียน (เกินกว่าระยะเวลาตามหลักสูตรปกติ).

第三條 申請流程

- 1 學生應於每學期第 14 週提出次學期學費分期申請(附件一)，逾期未提出申請者視同放棄，不予受理。
- 2 申請文件由各班彙整後送交國際事務處，送請總務處出納組製作分期繳費單，於第 16 週由各班導師轉交學生簽收。

Điều 3: Quy trình đăng ký

1. Sinh viên phải nộp đơn xin trả góp học phí cho học kỳ tiếp theo (Phụ lục 1) vào tuần thứ 14 của mỗi học kỳ. Những trường hợp nộp muộn sẽ được coi như từ bỏ quyền quyền xin phân kỳ và không được giải quyết.
2. Hồ sơ đăng ký sẽ được từng lớp tổng hợp và gửi đến Phòng Hợp tác Quốc tế, sau đó

chuyển đến Bộ phận Kế toán thuộc Phòng Tổng vụ để lập hóa đơn thanh toán trả góp. Hóa đơn sẽ được giáo viên chủ nhiệm giao tận tay và yêu cầu sinh viên ký xác nhận vào tuần thứ 16.

Pasal 3: Prosedur Pengajuan

1. Mahasiswa harus mengajukan permohonan cicilan uang kuliah untuk semester berikutnya (Lampiran 1) pada minggu ke-14 setiap semester. Pengajuan yang terlambat dianggap gugur dan tidak akan diproses.
2. Dokumen permohonan akan dikumpulkan oleh masing-masing kelas dan diserahkan ke Kantor Urusan Internasional (OIA), kemudian diteruskan ke Bagian Kasir Kantor Urusan Umum untuk pembuatan formulir pembayaran cicilan. Formulir akan diserahkan kepada mahasiswa oleh dosen wali kelas pada minggu ke-16 untuk ditandatangani.

ข้อที่ 3: ขั้นตอนการสมัคร

1. นักศึกษาต้องยื่นคำร้องขอผ่อนชำระค่าธรรมเนียมการศึกษาของภาคการศึกษาถัดไป (เอกสารแนบ 1) ภายใน **สัปดาห์ที่ 14** ของทุกภาคการศึกษา หากพ้นกำหนดจะถือว่าสละสิทธิ์และจะไม่รับพิจารณา
2. แต่ละชั้นเรียนรวบรวมเอกสารการสมัครส่งให้แผนกกิจการระหว่างประเทศ จากนั้นจะส่งต่อไปยัง **ห้องบริหาร** เพื่อจัดทำใบแจ้งยอดชำระเงินแบบผ่อนชำระ และอาจารย์ที่ปรึกษาแต่ละห้องจะมอบให้นักศึกษาลงนามรับทราบใน **สัปดาห์ที่ 16**

第四條 學雜費分期繳納方式與期限

經核准之學雜費分期繳費，以分二期繳清為原則。分期期程如下：

- 1 第一期：開學日前完成學雜費繳費台幣 25,000 元。
- 2 第二期：每學期第 7 週，學生應繳清學雜費剩餘款項。
- 3 學生平安保險費、健保費、網路費、電腦課程費以及各項代收轉付費用不可申請分期，必須於開學日前完成繳費。

Điều 4: Phương thức và thời hạn thanh toán trả góp

Học phí và các khoản phí khác sau khi được phê duyệt trả góp sẽ được chia làm **02 kỳ** thanh toán theo nguyên tắc sau:

1. **Kỳ 1:** Hoàn thành đóng **25.000 Đạì tặ** học phí và các khoản phí khác trước ngày khai giảng.
2. **Kỳ 2:** Vào **tuần thứ 7** của mỗi học kỳ, sinh viên phải thanh toán toàn bộ số tiền học và các khoản phí khác còn lại.

3. Các khoản phí như: Bảo hiểm an toàn sinh viên, Bảo hiểm y tế (BHYT), phí internet, phí khóa học máy tính và các khoản thu hộ - chi hộ khác **không được phép trả góp** và phải được thanh toán đầy đủ trước ngày khai giảng.

Pasal 4: Metode dan Batas Waktu Pembayaran Cicilan

Pembayaran uang kuliah yang telah disetujui untuk dicicil pada prinsipnya dibagi menjadi **dua tahap**:

1. **Tahap Pertama:** Menyelesaikan pembayaran uang kuliah sebesar **NT\$ 25.000** sebelum hari pertama masuk sekolah (hari pembukaan semester).
2. **Tahap Kedua:** Pada **minggu ke-7** setiap semester, mahasiswa harus melunasi seluruh sisa pembayaran uang kuliah.
3. Biaya asuransi keselamatan mahasiswa, asuransi kesehatan (NHI), biaya internet, biaya kursus komputer, serta berbagai biaya titipan lainnya **tidak dapat dicicil** dan harus dilunasi sebelum hari pertama masuk sekolah.

ข้อที่ 4: รูปแบบและกำหนดระยะเวลาการผ่อนชำระ

การผ่อนชำระค่าธรรมเนียมการศึกษาที่ได้รับอนุมัติ โดยหลักการให้แบ่งจ่ายเป็น **2 งวด** ดังนี้:

1. **งวดที่ 1:** ชำระค่าธรรมเนียมการศึกษาจำนวน **25,000 ดอลลาร์ไต้หวัน (NTD)** ให้เสร็จสิ้นก่อนวันเปิดภาคเรียน
2. **งวดที่ 2:** ภายใน **สัปดาห์ที่ 7** ของแต่ละภาคการศึกษา นักศึกษาต้องชำระส่วนที่เหลือทั้งหมดให้ครบถ้วน
3. ค่าประกันอุบัติเหตุนักศึกษา, ค่าประกันสุขภาพ, ค่าอินเทอร์เน็ต, ค่าหลักสูตรคอมพิวเตอร์ และค่าธรรมเนียมอื่น ๆ ที่เรียกเก็บแทนหน่วยงานภายนอก **ไม่สามารถผ่อนชำระได้** และต้องชำระให้เสร็จสิ้นก่อนวันเปิดภาคเรียน

第五條 取消資格與退學處分

經核准之學雜費分期繳費，有下列情形之一者，取消次學期學雜費分期繳費資格，須於開學日前繳清全額學雜費：

- 1 學期結束核算該學期正式課程與華語輔導課曠課時數合併計算達 30 節及以上者。
- 2 學期結束核算該學期請假與曠課時數合併計算達 40 節及以上(為原則)。
- 3 學期結束核算該學期學業成績平均未達 60 分。

4 該學期分期學雜費經催繳仍未完成繳費者，將由學校於該學期逕予退學。

Điều 5: Hủy tư cách và hình thức xử phạt thôi học

Sinh viên đã được phê duyệt trả góp nếu vi phạm một trong các điều sau sẽ bị **hủy tư cách trả góp** cho học kỳ tiếp theo và phải đóng toàn bộ học phí trước ngày khai giảng:

1. Tổng số tiết nghỉ học không phép (bao gồm khóa học chính thức và khóa bổ trợ tiếng Hoa) đạt từ **30 tiết trở lên** khi kết thúc học kỳ.
2. Tổng số tiết nghỉ học (có phép và không phép cộng lại) đạt từ **40 tiết trở lên** (theo nguyên tắc chung) khi kết thúc học kỳ.
3. Khi kết thúc học kỳ, nếu điểm trung bình học tập của học kỳ đó **dưới 60 điểm**.

Trường hợp đã đến hạn trả góp mà sinh viên vẫn không hoàn thành việc đóng phí dù đã được nhắc nhở, nhà trường sẽ tiến hành **thôi học trực tiếp** ngay trong học kỳ đó.

Pasal 5: Pembatalan Kualifikasi dan Sanksi Drop Out (DO)

Mahasiswa yang telah disetujui untuk mencicil, jika memenuhi salah satu kondisi berikut, akan **dibatalkan kualifikasi cicilannya** untuk semester berikutnya dan wajib membayar penuh uang kuliah sebelum semester dimulai:

1. Di akhir semester, total akumulasi ketidakhadiran (bolos) antara kelas reguler dan kelas bimbingan bahasa Mandarin mencapai **30 jam atau lebih**.
2. Di akhir semester, total akumulasi izin dan ketidakhadiran (bolos) mencapai **40 jam atau lebih** (sebagai prinsip penilaian).
3. Di akhir semester, rata-rata nilai akademik semester tersebut **di bawah 60 poin**.
4. Jika cicilan uang kuliah semester tersebut tetap tidak dilunasi meskipun telah diberikan teguran, pihak universitas akan langsung memberhentikan mahasiswa tersebut (**Drop Out**) pada semester berjalan.

ข้อที่ 5: การยกเลิกสิทธิ์และการพ้นสภาพนักศึกษา

นักศึกษาที่ได้รับอนุมัติให้ผ่อนชำระ หากมีลักษณะอย่างใดอย่างหนึ่งดังต่อไปนี้ จะถูก **ยกเลิกสิทธิ์** การผ่อนชำระในภาคการศึกษาถัดไป และต้องชำระค่าธรรมเนียมการศึกษาเต็มจำนวนก่อนวันเปิดภาคเรียน:

1. เมื่อสิ้นสุดภาคการศึกษา หากพบว่าชั่วโมงการขาดเรียนในรายวิชาปกติรวมกับวิชาเสริมภาษาจีน **ตั้งแต่ 30 คาบขึ้นไป**
2. เมื่อสิ้นสุดภาคการศึกษา หากพบว่าชั่วโมงการลาและชั่วโมงการขาดเรียนรวมกัน **ตั้งแต่ 40 คาบขึ้นไป** (โดยหลักการ)
3. เมื่อสิ้นสุดภาคการศึกษา ผลการเรียนเฉลี่ยของภาคการศึกษานั้น **ต่ำกว่า 60 คะแนน**
4. หากไม่ชำระค่าธรรมเนียมการศึกษางวดที่ค้างชำระตามกำหนดแม้จะได้รับการติดตามทวงถามแล้ว วิทยาลัยจะดำเนินการให้ **พ้นสภาพนักศึกษา** โดยตรงในภาคการศึกษานั้น

第六條 離校結清規定

申請人如於學期中辦理休學或退學，應繳清所有積欠學雜費，再依本校學雜費退費標準辦理退費。未完成繳費者視為未完成離校手續，不得領取相關證明文件。

Điều 6: Quy định thanh toán khi rời trường

Nếu sinh viên làm thủ tục bảo lưu (nghỉ học tạm thời) hoặc thôi học giữa học kỳ, sinh viên phải thanh toán toàn bộ các khoản học phí còn nợ, sau đó mới thực hiện thủ tục hoàn phí theo tiêu chuẩn của nhà trường. Những trường hợp chưa hoàn tất đóng phí sẽ được coi là chưa hoàn thành thủ tục rời trường và không được nhận các giấy tờ chứng nhận liên quan.

Pasal 6: Ketentuan Pelunasan Saat Meninggalkan Sekolah

Jika pemohon mengajukan cuti akademik (suspensi) atau mengundurkan diri di tengah semester, mereka wajib melunasi seluruh tunggakan uang kuliah terlebih dahulu, kemudian proses pengembalian dana akan dilakukan sesuai standar pengembalian uang kuliah universitas. Bagi yang belum melunasi pembayaran dianggap belum menyelesaikan prosedur meninggalkan sekolah dan tidak diperbolehkan mengambil dokumen sertifikat terkait.

ข้อที่ 6: ข้อกำหนดการชำระหนี้ก่อนพ้นจากสถานภาพ

ในกรณีที่ผู้สมัครขอลาพักการเรียนหรือลาออกระหว่างภาคการศึกษา จะต้องชำระค่าธรรมเนียมการศึกษาที่ค้างจ่ายทั้งหมดให้ครบถ้วนก่อน จากนั้นจึงจะดำเนินการคืนเงินตามมาตรฐานการคืนค่าธรรมเนียมการศึกษาของวิทยาลัย หากยังชำระไม่ครบถ้วนจะถือว่ายังทำเรื่องลาออกไม่เสร็จสมบูรณ์ และจะไม่ได้รับเอกสารรับรองใด ๆ

第七條 法律追償權

對於逾期未繳清欠款之學生，本校保有依法追償之權利。

Điều 7: Quyền truy thu pháp lý

Đối với những sinh viên quá hạn mà vẫn chưa thanh toán hết nợ, nhà trường bảo lưu quyền truy thu theo quy định của pháp luật.

Pasal 7: Hak Penuntutan Hukum

Terhadap mahasiswa yang melewati batas waktu dan belum melunasi tunggakan, universitas memegang hak untuk melakukan penuntutan secara hukum.

ข้อที่ 7: สิทธิในการติดตามทวงถามตามกฎหมาย

สำหรับนักศึกษาที่ค้างชำระเงินเกินกำหนด
วิทยาลัยขอสงวนสิทธิในการดำเนินคดีตามกฎหมายเพื่อ เรียกเก็บหนี้คืน

第八條 附則

本辦法如有未盡事宜，悉依本校相關學則與教育部規定辦理。本辦法經行政會議審議通過，陳請校長核定後公布實施。

Điều 8: Điều khoản bổ sung

Những vấn đề chưa được đề cập trong quy định này sẽ được thực hiện theo các quy chế liên quan của nhà trường và quy định của Bộ Giáo dục. Quy định này có hiệu lực thi hành sau khi được cuộc họp hành chính thông qua và Hiệu trưởng phê duyệt ban hành.

Pasal 8: Ketentuan Tambahan

Hal-hal yang belum diatur dalam peraturan ini akan merujuk pada peraturan akademik universitas dan ketentuan Kementerian Pendidikan. Peraturan ini mulai berlaku setelah disetujui dalam rapat administrasi dan disahkan oleh Rektor

ข้อที่ 8: บทเฉพาะกาล

หากมีเรื่องใดที่มีได้ระบุไว้ในระเบียบนี้ ให้ยึดตามข้อบังคับของวิทยาลัยและระเบียบของกระทรวง
ศึกษาธิการเป็นสำคัญ ระเบียบนี้มีผลบังคับใช้หลังจากผ่านการพิจารณาเห็นชอบจากที่ประชุมบริหาร
และได้รับอนุมัติจากอธิการบดีแล้ว